



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kỹ thuật Chất lượng**

Laboratory: **Quality Technical Department**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Nasaco Hà Nam**

Organization: **Nasaco Ha Nam Animal Feed Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1488**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa học**

Field: **Chemical**

Người quản lý: **Vũ Thị Thúy**

Laboratory manager: **Vu Thi Thuy**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày / 3 / 2026 đến ngày / 3 / 2031**

Địa chỉ: **Khu công nghiệp Hòa Mạc, Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**

Address: **Hoa Mac Industrial, Duy Tien Ward, Ninh Binh Province, Viet Nam**

Địa điểm: **Khu công nghiệp Hòa Mạc, Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**

Location: **Hoa Mac Industrial, Duy Tien Ward, Ninh Binh Province, Viet Nam**

Điện thoại/ Tel: **(0226) 3 567 66**

Fax: **(0226) 3 585 555**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**LIST OF ACCREDITED TESTS****VILAS 1488****Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thức ăn chăn nuôi <i>Animal feeds</i>	Xác định độ ẩm và tạp chất bay hơi Phương pháp sấy <i>Determination of Moisture and volatile matter drying method</i>		TCVN 4326 : 2001
2.		Xác định hàm lượng protein (thô) Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of protein (crude) Titration method</i>		AOAC 2001.11
3.		Xác định hàm lượng béo (thô) <i>Determination of fat (crude)</i>		AOAC 920.39
4.		Xác định hàm lượng xơ thô <i>Determination of crude fiber</i>		AOAC 962.09
5.		Xác định hàm lượng tro thô Phương pháp tro hóa <i>Determination of crude ash Ash method</i>		TCVN 4327 : 2007
6.		Xác định hàm lượng canxi Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of crude calcium Titration method</i>		AOAC 927.02

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**LIST OF ACCREDITED TESTS****VILAS 1488**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7.	Thức ăn chăn nuôi <i>Animal feeds</i>	Xác định hàm lượng Phot pho Phương pháp đo quang <i>Determination of crude Phosphorus content in animal feeds</i> <i>UV –VIS method</i>		AOAC 965.17
8.		Xác định hàm lượng muối Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of crude salt</i> <i>Titration method</i>		PT/HD 5.9-13

Ghi chú/Note:

- AOAC: Association of Official Analytical Chemists
- PH/HD : Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory development method*
- Trường hợp Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Nasaco Hà Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Nasaco Hà Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for Nasaco Ha Nam Animal Feed Company Limited that provides the product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

